**TRƯỜNG THCS NGUYỄN VĂN CỪ**

**NGỮ VĂN LỚP 7- HỌC KÌ II**

**TUẦN 27 (27/4-2/5/2020)**

**TIẾNG VIỆT**

**ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**Sau đây là kiến thức cần nhớ:**

**TIẾT 1**

**I. Các kiểu câu đơn**

**1. Theo mục đích nói**: 4 kiểu câu:

**a. Câu trần thuật**

- Là kiểu câu dùng để kể, tả.

\* VD:

+ Chiều nay, tôi đi học.

+ Nó vẫn đi về một mình sau bao lần mai mối.

**b. Câu nghi vấn**

- dùng để hỏi, có các từ nghi vấn: ai, làm sao, thế nào, bằng cách nào…

\* VD:

+ Bạn đang làm gì vậy?

+ Chiều nay, cậu đi học không?

**c. Câu cầu khiến**

- dùng để yêu cầu, đề nghị, ra lệnh, đe dọa, khuyên bảo…

\* VD:

+ Làm ơn, cho mình mượn cây viết.

+ Anh hãy đi đi!

**d. Câu cảm thán**

- dùng để bộc lộ cảm xúc.

\* VD:

+ Chao ôi! Cánh chuồn chuồn ,ướp mới đẹp làm sao!

+ Trời ơi! Sao số tôi khổ thế này!

**2. Theo cấu tạo**

**a. Câu bình thường**

- có cấu tạo theo mô hình C – V.

\* VD:

+ Trời mưa.

+ Những cánh hoa rung rinh trước gió.

**b. Câu đặc biệt:**

- là câu không cấu tạo theo mô hình C – V.

\* VD:

+ Mưa!

**II/ Luyện tập**

1/Viết đoạn văn về chủ đề bốn mùa trong đó có sử dụng câu đặc biệt, câu cầu khiến.

2/ Vẽ sơ đồ tư duy các kiểu câu.

**TIẾNG VIỆT**

**TIẾT 2 ÔN TẬP TIẾNG VIỆT**

**I/ Cũng cố kiến thức**

 **Các phép biến đổi câu (Học sinh tự học )**

**1. Thêm bớt thành phần câu:**

**a. Rút gọn câu:**

- Khi nói và viết, có thể lược bỏ một số thành phần của câu, tạo thành câu rút gọn.

*\* Tác dụng:*

- Làm cho câu gọn hơn, thông tin nhanh, tránh lặp những từ ngữ đã xuất hiện trong câu đứng tr­ước.

*\* Khi rút gọn câu cần chú ý:*

+ không làm cho người đọc, người nghe hiểu sai hoặc hiểu không đầy đủ nội dung câu nói.

+ Không biến câu nói thành một câu cộc lốc, khiếm nhã.

*\* Phân biệt câu rút gọn và câu đặc biệt*

*- Câu rút gọn* : vốn là câu bình thường nhưng được lược bỏ một số thành phần tuy nhiên dựa vào câu đứng trước ta có thể khôi phục lại thành phần được lược bỏ

*- Câu đặc biệt*: không cấu tạo theo mô hình CN-VN.

**b. Mở rộng câu:** có 2 cách.

**b1: Thêm trạng ngữ vào cho câu**

\* Đặc điểm:

+ Về ý nghĩa: xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích, phư­ơng tiện, cách thức diễn ra sự việc nêu trong câu.

- Về hình thức:

+ Đứng đầu câu, giữa câu, cuối câu.

+ Trạng ngữ ngăn cách với CN, VN bởi một dấu phẩy khi viết hoặc một quãng nghỉ khi nói

\* Công dụng

- Làm nội dung của câu đầy đủ, chính xác hơn

- Nối kết các câu, các đoạn làm cho đoạn văn, bài văn có tính mạch lạc

**b2: Dùng cụm C-V để mở rộng câu**

 - Là dùng những cụm từ hình thức giống câu đơn có cụm C-V làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

**2. Chuyển đổi kiểu câu**

\* Khái niệm

- *Câu chủ động*: là câu có CN chỉ ngư­ời, vật thực hiện một hành động h­ướng vào ng­ời, vật khác (chỉ chủ thể của hành động).

VD: Thầy giáo khen Nam

- *Câu bị động*: là câu có CN chỉ ngư­ời, vật đ­ược hành động của ng­ười, vật khác hư­ớng vào (chỉ đối tư­ợng của hành động).

- VD: Nam được thầy giáo khen

\* Cách chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động: 2 cách

- Mô hình chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động:

**II. Các phép tu từ cú pháp**

**1. Điệp ngữ:**

- Là biện pháp lặp lại từ, cụm từ hoặc cả một câu để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh mẽ đối với người đọc.

- VD: Học, học nữa, học mãi!

*\* Các dạng điệp ngữ* :

- Điệp ngữ cách quãng

- Điệp ngữ nối tiếp

- Điệp ngữ chuyển tiếp (điệp ngữ vòng)

**2. Liệt kê:**

- Là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hay cụm từ cùng loại để diễn tả đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư­ t­ưởng, tình cảm.

\* Phân loại liệt kê

- Xét về cấu tạo: liệt kê theo từng cặp và liệt kê không theo từng cặp

- Xét về ý nghĩa : liệt kê tăng tiến và liệt kê không tăng tiến

**III/ LUYỆN TẬP:**

**Viết đoạn văn 10-15 dòng về tinh thần tương thân tương ái của nhân dân ta. Trong đó sử dụng ít nhất 2 phép tu từ Liệt kê, Điệp ngữ.**

**TẬP LÀM VĂN**

**ÔN TẬP TẬP LÀM VĂN**

Để bài học thêm hiệu quả, các em có thể tải đường link theo địa chỉ sau:

<https://www.youtube.com/watch?v=XrJhUiHJRB8>

**Sau đây là kiến thức bài học cần nhớ:**

**I. Về văn biểu cảm**

**1. Tên các bài văn xuôi biểu cảm đã học**

 - Cổng trường mở ra - Lí Lan.

 - Mẹ tôi - Ét- môn-đô-đơ A-mi-xi.

 - Cuộc chia tay của những con búp bê - Khánh Hoài

 - Một thứ quà của lúa non: Cốm - Thạch Lam

 - Mùa xuân của tôi - Vũ Bằng

**2. Đặc điểm của văn biểu cảm**

 - Là văn bản viết ra nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người với thế giới xung quanh và khêu gợi sự đồng cảm ở người đọc.

 - Văn biểu cảm còn gọi là văn trữ tình. Gồm các thể loại: thơ trữ tình, ca dao, tùy bút...

 - Tình cảm trong văn biểu thường là những tình cảm đẹp, thấm nhuần tư tưởng nhân văn như yêu quê hương đất nước, thiên nhiên, ghét những thói tầm thường, độc ác.

 - Ngoài cách biểu cảm trực tiếp như lời kêu tiếng than, văn biểu cảm còn sử dụng các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả để khêu gợi tình cảm.

**3. Yếu tố miêu tả có vai trò gì trong văn biểu cảm**

Miêu tả là phương tiện để khơi gợi bộc lộ tư tưởng, tình cảm của người viết và người đọc. Do đó không miêu tả cụ thể, mà chỉ chọn những chi tiết, thuộc tính, sự việc nào đó có khả năng gợi cảm để biểu hiện cảm xúc, tư tưởng.

**4. Ý nghĩa của yếu tố tự sự trong văn biểu cảm**

Yếu tố tự sự có tác dụng gợi cảm rất lớn, nhất là khi kể các hành động cao cả, nghĩa khí, vị tha hoặc các hành vi thiếu đạo đức. Trong văn biểu cảm cái quan trọng là ý nghĩa sâu xa của sự việc buộc người ta nhớ lâu và suy nghĩ, cảm xúc về nó. Tình cảm phải rõ ràng, trong sáng, chân thực.

**5. Cách biểu đạt tình cảm trong văn biểu cảm**

Phải nêu tính chất, đặc điểm cơ bản, nổi bật của con người, sự vật, hiện tượng đó. Chọn một hình ảnh có ý nghĩa ẩn dụ, tượng trưng để gửi gắm tình cảm, tư tưởng hoặc biểu đạt bằng cách thổ lộ trực tiếp những nỗi niềm, cảm xúc trong lòng. Tình cảm phải rõ ràng, trong sáng, chân thực (Biểu cảm trực tiếp: thông qua lời than, tiếng kêu. Biểu cảm gián tiếp thông qua các yếu tố tự sự, miêu tả.)

**6. Ngôn ngữ biểu cảm**

Phương tiện biểu đạt trong văn biểu cảm gồm: từ ngữ, hình thức câu văn, vần điệu, cách ngắt nhịp, các biện pháp tu từ: so sánh, ẩn dụ, tượng trưng, điệp từ, cảm thán, nhân hóa....

**7. Kẻ bảng và điền**

|  |  |
| --- | --- |
| Nội dung văn biểu cảm | Là những tình cảm đẹp đẽ, thấm nhuần tư tưởng nhân văn (như yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước, con người, ghét những thói tầm thường xấu xa độc ác...) |
| Mục đích biểu cảm | Nhằm biểu đạt tình cảm, cảm xúc, sự đánh giá của con người đối với thế giới xung quanh và khêu gợi sự đồng cảm trong tâm hồn của người đọc. |
| Phương tiện biểu cảm |  - Văn biểu cảm còn gọi là văn trữ tình. Gồm các thể loại: thơ trữ tình, ca dao, tùy bút...- Ngoài cách biểu cảm trực tiếp như lời kêu tiếng than,văn biểu cảm còn các phương thức biểu đạt: tự sự, miêu tả để khêu gợi tình cảm. |

**8. Kẻ bảng và điền**

|  |  |
| --- | --- |
| **Mở bài** | Nêu ra đối tượng biểu cảm và định hướng tình cảm cho bài làm |
| **Thân bài** | Những cảm xúc, suy nghĩ do đối tượng, tác phẩm gợi lên |
| **Kết bài** | Ấn tượng chung về đối tượng, tác phẩm, tình cảm của tác giả và bản thân. |

**II. Về văn nghị luận**

**1. Tên các bài văn nghị luận đã học**

- Tinh thần yêu nước của nhân dân ta - Hồ Chí Minh

**-** Đức tính giản dị của Bác Hồ - Phạm Văn Đồng

**-** Ý nghĩa văn chương - Hoài Thanh

**2.** **Trong đời sống, trên báo chí và SGK**, ta thấy văn nghị luận xuất hiện dưới dạng ý kiến nêu ra trong cuộc họp, các bài xã luận, bài phát biểu ý kiến trên báo chí...VD: bảo vệ rừng, chống lũ lụt…

**3. Trong văn bản nghị luận phải có những yếu tố cơ bản**

**- Luận điểm:**

 + Là quan điểm của bài văn.

 + Được đưa ra dưới hình thức một câu khẳng định (hoặc phủ định)

 + Nội dung phải đúng đắn, chân thực, tiêu biểu.

 + Nó thống nhất các đoạn văn một khối để tạo sức thuyết phục.

- **Luận cứ**:

+ Là lý lẽ dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm.

 + Phải chân thực, đúng đắn, tiêu biểu.

- **Lập luận**:

 + Là cách nêu luận cứ để dẫn đến luận điểm.

 + Phải chặt chẽ, hợp lý để có sức thuyết phục

**4. Luận điểm**

Là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn được nêu ra dưới hình thức câu khẳng định (hay phủ định). Luận điểm là linh hồn của bài viết, nó thống nhất các đoạn văn thành một khối. Luận điểm phải đúng đắn chân thật, đáp ứng được nhu cầu thực tế.

- Câu a và d là luận điểm vì thường có từ *là* hay từ  *có.*

- Câu b là câu cảm thán.

- Câu c chỉ là một cụm danh từ nêu lên một vấn đề, nó tương ứng với một luận đề mà chưa phải là luận điểm.

**5. Trong văn chứng minh**, có luận điểm và dẫn chứng thôi vẫn chưa đủ, cần phải phân tích, diễn giải sao cho dẫn chứng thể hiện rõ điều mình muốn chứng minh. Ngoài ra, dẫn chứng cần phải tiêu biểu thì mới có sức thuyết phục.

**6. Cách làm 2 đề như SGK**:

**- Giống nhau**: đều là văn nghị luận xã hội. Luận điểm: “Lòng biết ơn”

**- Khác nhau**:

 + Đề a/ là văn nghị luận giải thích. Cần phải nêu lí lẽ và dẫn chứng để giải thích câu tục ngữ đó.

 + Đề b/ là văn nghị luận chứng minh. Cần phải nêu dẫn chứng để chứng minh câu tục ngữ đó.

- **Nhiệm vụ của giải thích khác với chứng minh là:**

+ Giải thích là cách dựa vào lí lẽ để cắt nghĩa, dùng lí lẽ để lập luận, để giảng giải giúp người đọc, người nghe hiểu đúng, đủ, rõ về vấn đề đó.

+ Chứng minh là cách làm dựa vào các dẫn chứng có định hướng, dùng dẫn chứng để lập luận, để khẳng định, để làm sáng tỏ vấn đề đó là đúng, là chân lý để thuyết phục người đọc, người nghe.

*- Cô chúc các em học tập hiệu quả -*